

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H
---***---

Số: 103/2023/QĐST - HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

K, ngày 16 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 116/2023/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa:

***/ Nguyên đơn: Anh Phan Văn Đ**, sinh năm 1987.

Đăng ký HKTT và trú tại: Thôn B, xã T1, huyện K, tỉnh H.

***/ Bị đơn: Chị Hoàng Thị T**, sinh năm 1987.

Nguyên quán: Xã H1, huyện H2, tỉnh T2.

Đăng ký HKTT và trú tại: Thôn B, xã T1, huyện K, tỉnh H.

***/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ **Cháu Phan Hà P**, sinh ngày 21/01/2012;

+ **Cháu Phan Minh H3**, sinh ngày 12/8/2013.

Đều đăng ký HKTT và trú tại: Thôn B, xã T1, huyện K, tỉnh H.

Giám hộ cho cháu P và cháu H3 là anh Phan Văn Đ và chị Hoàng Thị T – Bố, mẹ đẻ của các cháu.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2015; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 15 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 08/6/2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08/6/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phan Văn Đ và chị Hoàng Thị T.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***/ Về con chung:** Giao cháu Phan Hà P, sinh ngày 21/01/2012 và cháu Phan Minh H3, sinh ngày 12/8/2013 cho chị Hoàng Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu P và cháu H3 trưởng thành (đủ 18 tuổi).

***/ Về việc cấp dưỡng nuôi con chung:** Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu P, cháu H3 khôn lớn, trưởng thành (đủ 18 tuổi), thì mỗi tháng anh Đ phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị T là 3.000.000đ/01 tháng/01 cháu (Ba triệu đồng trên một tháng trên một cháu).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và chị T có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu anh Đ chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án và khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nói trên thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc và quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

***/ Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:** Anh Đ và chị T không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

***/ Về án phí:** Anh Phan Văn Đ tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí LHST và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 0008239 ngày 26/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nên việc nộp án phí đã xong.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HY;
- Đương sự;
- UBND xã T1;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu H4

